

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp
và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP; Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 9/2016;

Căn cứ Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm; Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 25/2018/TT-BLĐTBXH ngày 10/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc của Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội; Thông tư số 30/2010/TT-BLĐTBXH ngày 29/9/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định chuẩn Giáo viên, Giảng viên dạy nghề;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 327/TTr-SNV ngày 13/5/2019 và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phú Yên tại Tờ trình số 57/TTr-SLĐTBXH ngày 10/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên với một số nội dung chính như sau:

1. Tổng số vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên là 22 vị trí, (có danh sách kèm theo).

2. Về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ:

Số lượng người làm việc cụ thể trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên được cơ quan có thẩm quyền giao. Căn cứ Đề án vị trí việc làm được phê duyệt tại Quyết định này và các quy định của Đảng, Nhà nước, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên có trách nhiệm bố trí, sử dụng hợp lý số lượng người làm việc theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt; đồng thời, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tinh giản số lượng người làm việc và giảm hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Sở cho những năm tiếp theo, nhằm đảm bảo tỷ lệ tinh giản số lượng người làm việc và tỷ lệ giảm hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đến năm 2021 tối thiểu đạt 10% trong tổng biên chế sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2015 và số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đã được xác nhận trước đây.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên có trách nhiệm hoàn thiện bảng mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí theo danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại khoản 1 Điều này. Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức theo đúng danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *2*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở LĐTB&XH tỉnh Phú Yên;
- Sở Nội vụ: TCCCVC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Đình Phùng

**DANH MỤC SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU CHỨC DANH
NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC
THUỘC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH PHÚ YÊN**

(Kèm theo Quyết định số: ~~776~~/QĐ-UBND, ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mã VTVL	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng vị trí việc làm	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp hoặc ngạch viên chức tối thiểu	Ghi chú
I	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	4		
1	Vị trí cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập	1	Hạng III (hoặc tương đương) trở lên	
2	Vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	1	Hạng III (hoặc tương đương) trở lên	
3	Vị trí cấp trưởng phòng chuyên môn và tương đương trực thuộc Đơn vị sự nghiệp	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
4	Vị trí cấp phó trưởng phòng chuyên môn và tương đương trực thuộc Đơn vị sự nghiệp	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
II	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	8		
5	Vị trí công tác xã hội	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
6	Vị trí nhân viên tâm lý	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
7	Vị trí chăm sóc trực tiếp đối tượng	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
8	Vị trí Y tế, điều dưỡng, điều trị phục hồi sức khỏe	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
9	Vị trí Quản lý học viên	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
10	Vị trí giáo viên chuyên môn và giáo viên các khoa chuyên môn	1	Hạng III (hoặc tương đương) trở lên	
	Giáo viên Ngữ văn			
	Giáo viên Toán			
	Giáo viên Vật lý			
	Giáo viên Hóa học			
	Giáo viên Sinh học			
	Giáo viên Lịch sử			



	Giáo viên Địa lý			
	Giáo viên tổ Điện			
	Giáo viên ngành Tin học			
	Giáo viên ngành Cơ khí			
	Giáo viên ngành May thời trang và Nấu ăn			
	Giáo viên ngành Nông nghiệp			
11	Vị trí tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động, thông tin thị trường lao động	1	Hạng III (hoặc tương đương) trở lên	
12	Vị trí bảo hiểm thất nghiệp	1	Hạng III (hoặc tương đương) trở lên	
III	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	10		
13	Vị trí Kế toán	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
14	Vị trí Hành chính – Tổng hợp	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
15	Vị trí nhân viên thư viện	1		
16	Vị trí hoạt động giáo dục nghề nghiệp	1		
	Vị trí công tác giáo vụ hệ ngắn hạn		Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
	Vị trí công tác giáo vụ hệ liên kết và dài hạn			
	Vị trí công tác tư vấn nghề tuyển sinh			
	Vị trí Thư ký			
	Vị trí nhân viên làm Giáo vụ khoa			
17	Vị trí thủ quỹ kiêm thủ kho	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
18	Vị trí Văn thư – Lưu trữ	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
19	Vị trí Cấp dưỡng	1	Hạng IV (hoặc tương đương) trở lên	
20	Vị trí Lái xe	1		
21	Vị trí Bảo vệ	1		
22	Vị trí Tạp vụ	1		
	TỔNG CỘNG	22		
		Vị trí		

